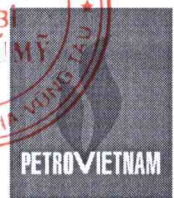


**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

Đường 1B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ,

TX.Phú Mỹ, T.Bà Rịa – Vũng Tàu

ĐT: 0254.3921 999 – Fax: 0254.3921 966 – Website: www.dpm.vn



**PVFCCo
PACKAGING**

PETROVIETNAM FERTILIZER
AND CHEMICALS CORPORATION

**DAM PHU MY
PACKAGING**

JOINT STOCK COMPANY

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG	2
I. Thông tin khái quát	2
II. Quá trình hình thành và phát triển	2
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
V. Định hướng phát triển	4
VI. Các rủi ro.....	5
PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020	9
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
II. Tổ chức và nhân sự	10
III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.....	18
IV. Tình hình tài chính	18
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	21
PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	25
I. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	25
II. Tình hình tài chính	26
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	27
IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai	28
V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có).....	29
VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	29
PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	31
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	31
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	31
III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	31
PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	33
I. Hội đồng quản trị	33
II. Ban Kiểm soát.....	36
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS.....	39
PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	41

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500874315 (số cũ: 4903000566) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/06/2018.
- Vốn điều lệ: 42.000.000 (Bốn mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 42.000.000 (Bốn mươi hai tỷ đồng)
- Địa chỉ: Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Phú Mỹ, Bà Rịa-Vũng Tàu
- Số điện thoại: 0254 3 921 999; Số fax: 0254 3 921 966;
- Website: www.dpmp.vn
- Mã cổ phiếu: PMP

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tiền thân là Nhà máy Sản xuất bao bì Hương Phong, thuộc Công ty TNHH Hương Phong được chính thức vận hành từ ngày 1/10/2004 với công suất thiết kế 30 triệu bao phân bón, nông sản và xi măng.
- Ngày 17/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở hợp tác giữa Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để cử doanh nghiệp trực thuộc là Công ty TNHH Hương Phong và Công ty con là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí tham gia góp vốn thành lập.
- Ngày 19/05/2008 Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- Ngày 20/10/2010, khởi công xây dựng Dự án mở rộng quy mô và nâng cao năng lực Nhà máy sản xuất Bao bì giai đoạn 2. Năm 2012 Dự án hoàn thành và đi vào sản xuất, nâng công suất toàn nhà máy lên 45 triệu bao phân bón, nông sản và xi măng. Trong quá trình hoạt động, Công ty tiếp tục đầu tư bổ sung, đồng bộ hóa hệ thống máy móc thiết bị, dừng vận hành dây chuyền sản xuất dòng bao xi măng, cơ cấu lại danh mục sản phẩm. Đến thời điểm hiện tại, công suất toàn nhà máy đạt 60 triệu bao phân bón, nông sản.
- Ngày 22/05/2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 30/06/2015, Cổ phiếu Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 400/QĐ-SGDHN. Ngày 22/09/2015 cổ phiếu PMP giao dịch phiên đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Năm 2017 Công ty hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 của Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm

mới, dòng bao bì Jumbo, bao gồm 1 dây chuyền sản xuất bao Jumbo hoàn chỉnh và hệ thống xưởng may Jumbo sạch, đến nay hàng năm sản lượng đạt được 500 - 800 nghìn bao.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE;
- Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE, mua bán phân bón các loại; mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng điện tử;
- Mua bán nhiên liệu động cơ;
- Vận tải bằng ô tô;
- Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp;
- Mua bán giấy, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm;
- Cho thuê kho bãi;
- In ấn, và các dịch vụ liên quan đến in...

2. Địa bàn kinh doanh

- Dòng bao PP chứa phân bón/nông sản: cung cấp cho các đơn vị sản xuất phân bón, hóa chất, lương thực, nông sản, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản. Tại thị trường xuất khẩu khẩu Công ty đang cung cấp cho thị trường Ý, Hàn Quốc, Nhật, Thái Lan, Singapore, Malaysia...
- Dòng bao Jumbo: cung cấp cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Ở trong nước, Công ty đang cung cấp cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Công ty phân bón Baconco, Công ty Hyosung.... Tại thị trường xuất khẩu Công ty đang cung cấp cho thị trường Ý, Anh, Hàn Quốc, Nhật, Thái Lan, Singapore, Malaysia,...

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị

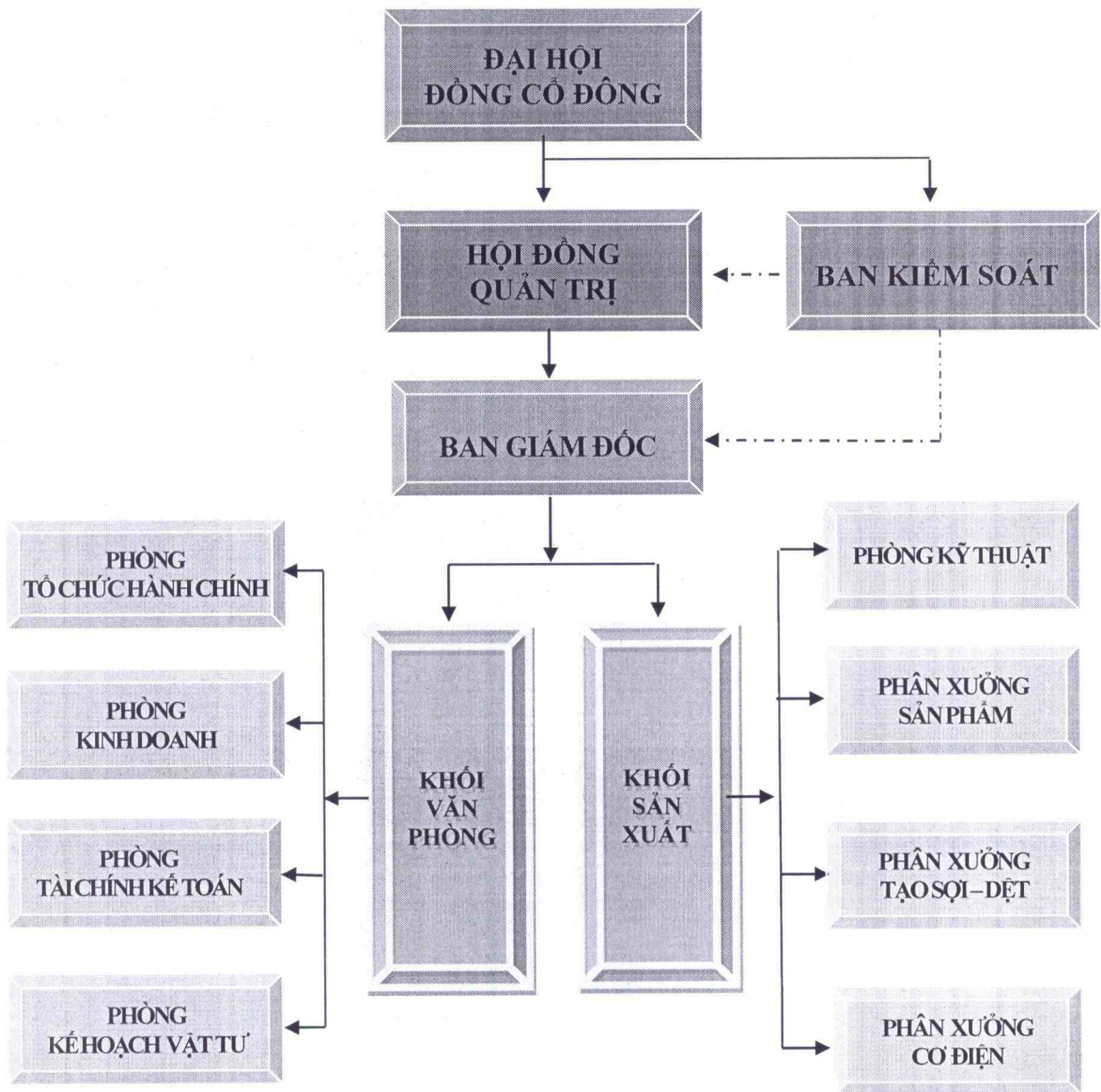
Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị (HDQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HDQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

Ban kiểm soát (BKS): Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HDQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Ban Giám đốc (BGĐ): Bao gồm 01 Giám đốc, và các Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý (Sơ đồ tổ chức của Công ty)



3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển: Gia tăng được lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Sản phẩm luôn có chất lượng cao và ổn định.
- Nằm trong Top 10 các công ty sản xuất bao bì trong nước về sản lượng sản xuất Bao bì
- Trở thành nhà cung cấp đáng tin cậy cho thị trường Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ.
- Đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở tập trung vào một số dòng sản phẩm xuất khẩu chọn lọc có giá trị gia tăng cao.
- Trở thành những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực bao bì, giúp khách hàng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan tới sử dụng bao bì (thiết kế bao bì mới, nhận diện được sản phẩm thật/giả, logistics,...).
- Luôn đảm bảo hiệu quả kinh tế cho Công ty và khách hàng. Duy trì LNST/VĐL không thấp hơn 20%
- Duy trì mức cổ tức hàng năm không thấp hơn 10%.

3. Các mục tiêu chủ yếu

- Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.
- Khai thác năng suất máy > 90% công suất thiết bị.
- Thời gian dừng máy do sự cố thiết bị < 1% so với tổng thời gian vận hành.
- Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
- Hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu.
- Đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm Bao bì Jumbo.
- Phát triển dòng sản phẩm mới BOPP, bao bì đựng thực phẩm, bao bì chứa hóa chất.

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu cho công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc gây ảnh hưởng/tác động xấu đến môi trường.
- Luôn coi trọng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm theo thỏa thuận với khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

VI. CÁC RỦI RO

Để thực hiện các mục tiêu dài hạn, thúc đẩy Công ty ngày càng phát triển, tạo dựng thương hiệu có uy tín trên thị trường, đảm bảo lợi ích cổ đông, hài hòa trách nhiệm xã

hội, Công ty luôn nhận định, đánh giá và kiểm soát các rủi ro gắn kết với mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động để tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và phát triển bền vững. Các rủi ro chủ yếu bao gồm:

1. Rủi ro kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Khi nền kinh tế phát triển kéo theo sự phát triển của các ngành, các doanh nghiệp. Giao thương hàng hóa sôi động sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng bao bì, đòi hỏi mẫu mã đẹp hơn để đẩy mạnh quảng bá thương hiệu thu hút người tiêu dùng, chất lượng bao bì tốt hơn để bảo quản sản phẩm đúng quy định hơn. Ở chiều ngược lại, sự phát triển kém sôi động của các yếu tố vĩ mô làm cho các doanh nghiệp hoạt động không tốt sẽ cần tiết giảm chi phí cho việc thiết kế mẫu mã bao bì hoặc tìm các nguồn cung khác với giá rẻ,... Dù nền kinh tế thay đổi theo chiều hướng nào cũng đều tác động đến nhu cầu sử dụng bao bì, do đó tác động đến các đơn vị cung cấp vỏ bao về việc nắm bắt thị hiếu tiêu dùng để xây dựng mục tiêu và định hướng phát triển doanh nghiệp.

2. Rủi ro cạnh tranh

Ngành nhựa bao bì còn nhiều dư địa tăng trưởng, đồng thời số lượng công ty sản xuất bao bì lớn, điều này khiến mức độ cạnh tranh trong mảng nhựa bao bì ngày càng gia tăng. Các doanh nghiệp phải đối mặt trước hết cạnh tranh về giá thành sản xuất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm để chiếm lĩnh thị trường đầu ra nhằm đảm bảo mức lợi nhuận kỳ vọng. Ngoài ra, nhằm thu hút khách hàng, buộc các đơn vị cung cấp đưa ra những chính sách cạnh tranh về dịch vụ, cho thời hạn nợ dài hơn, điều này dẫn đến những rủi ro về việc thu hồi công nợ, thương thảo hợp đồng,...

Ở chiều hướng khác, việc có thêm các doanh nghiệp nhựa gia nhập thị trường tạo ra sự bất lợi hơn cho các doanh nghiệp đi trước về việc cải tiến công nghệ sản xuất. Điều này là do đặc thù công nghệ sản xuất và thiết bị thường xuyên thay đổi nhưng giá trị đầu tư lại lớn, nếu thị hiếu người tiêu dùng thay đổi liên quan đến việc thay đổi công nghệ sản xuất, đầu tư mới thiết bị sẽ là lựa chọn khó khăn cho các doanh nghiệp đi trước.

3. Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào nhập khẩu

Là doanh nghiệp sản xuất bao bì nên nguyên liệu đầu vào chính của Công ty là hạt nhựa. Giá trị nguyên liệu nhựa chiếm đến gần 80% giá thành sản xuất sản phẩm. Hiện nguồn nguyên liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất tại Công ty chiếm hơn 90% là từ nguồn nhập khẩu. Do đó, hoạt động của Công ty chịu tác động chủ yếu và sự biến động giá nguyên liệu nhập khẩu theo giá dầu. Ngoài ra, giá nhựa còn chịu rủi ro biến động theo giá nhập khẩu nguyên vật liệu, giá thành sản xuất còn chịu ảnh hưởng về độ trễ của quá trình nhập nhựa, kéo dài thường từ 45-60 ngày. Khi nhựa về đến Công ty thì giá nhựa đã có những thay đổi nhất định trong khi đó việc chốt giá bán đơn hàng theo giá cập nhật tại thời điểm nhận đơn hàng. Do vậy, rủi ro biến động giá nguyên vật liệu tác động chính đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro lãi suất

Vốn lưu động của Công ty chủ yếu từ nguồn vốn vay ngân hàng. Việc này làm phát

sinh rủi ro lãi suất. Trong năm, lãi suất cho vay đối với khu vực sản xuất kinh doanh điều chỉnh tăng nên đã ảnh hưởng đáng kể đến chi phí tài chính của doanh nghiệp.

5. Rủi ro tỷ giá

Ngoài việc chịu ảnh hưởng của tỷ giá cho hoạt động mua nguyên vật liệu đầu vào hoặc các máy móc thiết bị không thể mua được từ thị trường trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất, Công ty còn có các mặt hàng xuất khẩu ra nước ngoài, phần thu ngoại tệ cũng tác động đến doanh thu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty sử dụng một phần vốn vay ngân hàng bằng đồng ngoại tệ nên khi tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty. Do đó, rủi ro tỷ giá là cũng là một rủi ro quan trọng được Công ty theo dõi và đánh giá thường xuyên để có những động thái phù hợp về bán hàng trong quá trình giao thương.

6. Rủi ro sử dụng sản phẩm thay thế

Các sản phẩm từ nhựa hiện nay đang được tiêu thụ rộng rãi các sản phẩm nhựa bởi tính nhẹ, bền, dẻo dai và chi phí thấp. Chính vì những ưu điểm đó mà việc sử dụng rộng rãi đã tạo cho các sản phẩm này lợi thế mà ít các sản phẩm hay chất liệu khác có thể dùng để thay thế được. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ vật liệu, tính bất ngờ của các sản phẩm thay thế cho nhựa là không thể bỏ qua. Đồng thời, liên quan đến bảo vệ môi trường, bao bì thân thiện với môi trường sẽ là xu hướng tiêu dùng thay thế sản phẩm bao bì nhựa. Tuy nhiên, với dòng sản phẩm công ty đang cung cấp thì khả năng thay thế thấp hơn. Do vậy, tác động từ sản phẩm thay thế trong kế hoạch ngắn hạn là không đáng kể, tuy nhiên, để xác định định hướng phát triển thì đây là yếu tố có tác động rất lớn để xây dựng mục tiêu phát triển và kế hoạch đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị sản xuất.

7. Rủi ro về dịch bệnh

Khi tình hình dịch bệnh lây lan mang tính toàn cầu có tác động ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đối với các loại dịch bệnh có tính chất lây lan qua đường hô hấp như đại dịch covid -19 vừa qua, tại mỗi quốc gia trên toàn thế giới đều phải thực hiện các biện pháp đối phó với dịch bệnh như hạn chế đi lại, hạn chế giao thương, thậm chí cách ly vùng, địa phương để khoanh vùng nguồn lây bệnh đã dẫn đến hàng loạt các hệ lụy về hạn chế nguồn cung lao động, khan hiếm nguồn lực cho sản xuất, giao thương ngừng trệ... hàng loạt các ảnh hưởng tiêu cực đã khiến cho rất nhiều nhà máy, doanh nghiệp phải đóng cửa, cắt giảm sản xuất. Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng cũng chịu ảnh hưởng về việc thiếu lao động trong thời gian bùng dịch trong nước, bị giảm sản lượng kinh doanh do khách hàng không lấy được cont để nhận hàng, tăng chi phí lưu kho do hàng sản xuất ra khách hàng chưa có phương tiện vận chuyển để nhận và Công ty cần phải dự trữ nguồn nguyên vật liệu để đảm bảo an toàn trong sản xuất.

8. Rủi ro luật pháp

Là Công ty sản xuất kinh doanh sản phẩm Bao bì nhựa, niêm yết trên sàn chứng khoán, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật thuế thu nhập doanh

nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế bảo vệ tài nguyên môi trường...

9. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như: Bão lớn, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất,... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty để hạn chế bớt các rủi ro này.

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2020	TH năm 2020	Ty lệ TH/KH
1	Sản lượng sản xuất				
	Dòng bao truyền thống	Tr.b	60	63	105%
	Dòng bao Jumbo	Ng.b	800	536	67%
2	Sản lượng tiêu thụ				
	Dòng bao truyền thống	Tr.b	60	61	102%
	Dòng bao Jumbo	Ng.b	800	461	58%
3	Doanh thu	Tỷ.đ	420	403	96%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	7,7	7,4	96%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	6,17	6,17	100%

- Tình hình sản xuất, kinh doanh: Trong năm 2020, Công ty hoàn thành vượt mức sản lượng dòng bao Phân bón và nông sản và có sự sụt giảm về sản lượng dòng bao Jumbo.
- Công tác kỹ thuật sản xuất: có phần cải tiến đáng kể, đáp ứng điều kiện sản xuất trong điều kiện cạnh tranh gay gắt về mẫu mã và giá thành sản phẩm. Các giải pháp công nghệ liên tục được tìm tòi và đưa vào ứng dụng nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng đối với chất lượng sản phẩm cũng như quy cách mẫu mã.
- Công tác kiểm soát chất lượng hàng hóa: Thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ từng công đoạn sản phẩm. Ngoài việc KCS kiểm tra theo tần suất quy định, cảnh báo lỗi sản phẩm đến quản lý các Bộ phận ngay khi phát hiện để điều chỉnh kịp thời, mỗi công nhân vận hành cũng là 1 KCS, thực hiện giám sát sản phẩm, đánh giá, ghi chép kết quả kiểm tra định kỳ trong thời gian sản xuất nhằm tăng tần suất kiểm tra, giám sát kết quả sản xuất tại từng công đoạn.
- Công tác quản lý chi phí: Đã được thực hiện công tác quyết toán đơn hàng, thực hiện kiểm soát cân đầu vào, đầu ra tại từng công đoạn sản xuất để xác định lượng hao hụt qua từng công đoạn; thực hiện kiểm soát phạm vi sai lệch biên độ liên quan đến khối lượng thành phẩm... Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá các chi phí trong cơ cấu giá thành nhằm nhận diện chính xác các chi phí để kịp thời điều chỉnh các giải pháp kiểm soát và giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra, thường xuyên rà soát quy định, quy trình như quy trình mua sắm, quy trình xuất nhập kho, hàng tồn kho tối thiểu,... nhằm phù hợp với điều kiện thực tế và kiểm soát tốt chi phí và tài sản của Công ty.
- Tình hình biến động nhân sự: Trong năm vừa qua, ngoài giai đoạn đầu năm Công ty phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động đáp ứng nhu cầu sản xuất do ảnh hưởng

của dịch bệnh. Lao động về quê nghỉ Tết và thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội ngay sau đó hoặc cách ly khi trở lại nên lao động nghỉ dài hơn. Đồng thời, do tại địa bàn hoạt động của Công ty có nhiều nhà máy, cơ sở hoạt động có nhu cầu lớn về lao động, đầu năm thường xảy ra tình trạng lao động chuyển việc giữa các Công ty nên một lượng mới nhân sự thu hút được lại phải học việc, thử việc và mất thêm thời gian để ổn định lao động. Để giảm bớt sự phụ thuộc vào tình trạng biến động lao động, Công ty đẩy mạnh các giải pháp tăng tính tự động hóa, giảm số lượng công nhân vận hành máy.

- Quản lý công nợ: Bằng các giải pháp kiên trì và quyết liệt, Công ty duy trì mức nợ quá hạn ở mức thấp nhất, dưới 10% so với tổng doanh thu. Do đặc thù của ngành sản xuất bao bì, đồng thời trước áp lực cạnh tranh, công nợ thường kéo dài từ 45-60 ngày. Do vậy, tổng số dư nợ bình quân hàng tháng bằng khoảng 150% doanh thu.
- Quản lý hàng hóa, sắp xếp mặt bằng: Sắp xếp mặt bằng tổng thể, quy hoạch gọn gàng theo tiêu chí dễ kiểm, dễ tìm, dễ quản lý và thuận tiện cho việc di chuyển hàng hóa. Hiện mặt bằng sản xuất được giám sát chặt chẽ hàng ngày để đảm bảo chỉ để tồn tại hàng hóa đang trong quá trình sản xuất. Đối với hàng hóa thành phẩm hoàn thành sản xuất phải được nhập kho, hoặc hàng hóa xuất dư phải được tái nhập kho nhằm bảo quản và kiểm soát được hàng hóa.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Hội đồng quản trị

1.1 ÔNG TRẦN THƯỢNG TÍN – CHỦ TỊCH HĐQT

- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành Tổ chức và quản lý vận tải
Cử nhân kinh tế, ngành quản trị kinh doanh
Đại học ngân hàng, Tiền tệ - tín dụng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1990 -1991	Trung tâm Tài chính tín dụng Côn Đảo – Thuộc Công ty Phát triển kinh	Nhân viên kế toán
Từ 1992 – 1998:	Công ty Đầu tư Xây Dựng và Thương Mại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán tổng hợp.
Từ 1998 - 2003	Công ty Đầu tư Xây Dựng và Thương Mại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Phó phòng Tài chính – Kế toán
Từ 2003- 2004	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Tài chính – Kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2004 - 2015	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán trưởng
Từ 2015 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Phó Giám đốc
Từ 04-06/2019	Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ 06/2019 đến nay	Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH Hương Phong
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 270 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện cho Công ty TNHH Hương Phong: 1.428.000 cổ phần, chiếm 34% vốn điều lệ.
 - Những người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong nắm giữ 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn Điều lệ.

1.2 ÔNG TRẦN ANH TÚ – THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999-2001	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO	Phó phòng Luật
Từ 2001- 2007	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự	Trưởng Ban Dự án
Từ 2005- 2008	Công ty TNHH VIBank –NGT	Giám đốc Dự án
Từ 2008 - 2009	Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	Giám đốc điều hành
Từ 05/2009 – 6/2012	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó trưởng Ban Pháp chế
Từ 07/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,48% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 812.300 cổ phần, chiếm 19,34% vốn điều lệ.
 - Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Đăng Tuấn	Bố đẻ	10.000	0,24%
Phạm Thị Thoan	Mẹ đẻ	10.000	0,24%
Trần Hải Thanh	Em ruột	10.000	0,24%
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%

1.3 ÔNG LÊ HỒNG QUÂN – THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/1995 – 03/2000	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Chuyên viên kế toán
Từ 04/2000 – 01/2002	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Phó phòng Kế toán
Từ 02/2002 – 07/2007	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Kế toán trưởng
Từ 08/2007 – 08/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Phó phòng TCKT
Từ 09/2007 – 12/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Kế toán trưởng
Từ 01/2008 - 04/2009	Công ty tư vấn QLDA điện lực Dầu khí 2	Kế toán trưởng
Từ 05/2009 - 04/2010	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng
Từ 05/2010 – nay	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	UV BCH Đảng bộ, Kế toán trưởng
Từ 4/2012 – nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	TV HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Nhà máy Đạm Phú Mỹ

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 504.000 cổ phần, chiếm 12% vốn điều lệ.
 - Những người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần chiếm 43,34% vốn điều lệ.

1.4 ÔNG CAO VĨNH HẬU – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1/2002 - 6/2003	CTCP Đầu tư công nghệ Bách Việt	Kế toán tổng hợp
7/2003 - 10/2004	IDICO CONAC	Kế toán tổng hợp
11/2004 – 2007	Nhà máy sản xuất Bao bì Hương Phong	Kế toán tổng hợp
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phần; chiếm 0,11%% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có.

1.5 ÔNG NGUYỄN HỒNG NGUYỄN – THÀNH VIÊN HĐQT

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh Tế, Kỹ Sư Thủy Sản.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 2000 - 2004	Học Đại Học và tốt nghiệp Đại Học Thủy Sản Nha Trang chuyên ngành Công nghệ chế biến Thủy sản	Sinh viên

Năm 2009 – 2011	Học Đại Học và tốt nghiệp văn bằng 2, Đại Học Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh chuyên ngành Quản trị Kinh Doanh	Học viên
Từ tháng 10/2015 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kinh doanh – Đầu tư, Công ty TNHH Hương Phong
Năm 2016 – 2018	Học Cao học và tốt nghiệp bằng thạc sĩ, Đại Học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh chuyên ngành Quản trị Kinh Doanh	Học viên
Từ tháng 12/2019 đến nay	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Kinh doanh – Đầu tư, Công ty TNHH Hương Phong
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 252.000 cổ phần (Công ty TNHH Hương Phong), chiếm 6% vốn điều lệ
- Người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong sở hữu 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ.

2. Danh sách Ban Kiểm soát

2.1 ÔNG CHU XUÂN HẢI – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2006 - 05/2007	Văn Phòng Đại Diện DIO Implant tại Việt Nam	Nhân viên kinh doanh
06/2007 - 06/2008	Ngân hàng TMCP Nam Việt	Chuyên viên quan hệ khách hàng
07/2008 - 06/2010	Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN Tân Bình	Chuyên viên Khách hàng Doanh Nghiệp
06/2010- 06/2011	Ngân hàng TPCP Liên Việt Phòng Giao Dịch Tân Sơn Nhất	Quyền Giám Đốc
08/2011 - 10/2011	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam CN Gia Định	Phó phòng kiêm trưởng nhóm Khách hàng doanh

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2011 – đến nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán
Từ 2013 đến nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần, chiếm 43,34% vốn điều lệ.

2.2 BÀ NGUYỄN THỊ THU OANH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 20/10/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1996 - 5/2008	Công ty Liên Doanh Cityview	Chuyên viên kế toán
5/2008 - 10/2009	Công ty Liên Doanh Cityview	Phó phòng kế toán
10/2009 đến nay	TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ năm 2011 đến nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần, chiếm 43,34% vốn điều lệ.

2.3 ÔNG PHẠM VĂN KHÁNH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 18/11/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1986 – 8/1989	Trung đoàn 434, Quân đoàn 4	Chiến sỹ tài vụ Trung đoàn 434
9/1989 – 8/1983	XN Cơ điện lạnh, Công ty đầu tư xây dựng và thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
9/1993 – 12/1997	Trường đại học Mở Bán Công TP HCM và Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và	Học đại học và là Nhân viên phòng kế hoạch –kinh doanh
1/1997 – 12/1998	Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
1/1999 – 05/2003	Công ty phát hành phim và chiếu bóng Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Kế toán tổng hợp
6/2003- 12/2003	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán tổng hợp
12/2003-10/2016	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế toán
10/2016 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán trưởng
05/2008 – nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng - Công ty TNHH Hương Phong
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 270 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong sở hữu 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ.

3. Danh sách Ban Điều hành

3.1 ÔNG TRẦN ANH TÚ – GIÁM ĐỐC

(Thông tin như trên)

3.3 ÔNG CAO VĨNH HẬU – KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Thông tin như trên)

4. Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD trong năm 2020

- Bà Trần Thị Hồng Quyên thôi là thành viên Hội đồng quản trị từ tháng 4/2020
- Ông Cao Vĩnh Hậu là thành viên Hội đồng quản trị từ tháng 4/2020

5. Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	442	100%
-	Trình độ trên đại học	2	0,45%
-	Trình độ đại học, cao đẳng	55	12,44%
-	Trình độ trung cấp	63	14,25%
-	Công nhân kỹ thuật	176	39,82%
-	Lao động phổ thông	146	33,04%
B	Theo loại hợp đồng lao động	442	100%
-	Hợp đồng không thời hạn	225	51%
-	Hợp đồng xác định thời hạn dưới 3 năm	217	49%
C	Theo giới tính	442	100%
-	Nam	182	41%
-	Nữ	260	59%

6. Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	374	442
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.500.000	9.000.000

7. Chính sách nhân sự

Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với Công ty, Công ty đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:

- Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty.
- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên và chế độ lương, thưởng, đãi ngộ theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với thị trường nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho CB.CNV, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và thị trường.



- Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ, nhóm đội: Đào tạo kỹ năng lập, xây dựng kế hoạch cho nhóm Điều độ, quản lý các Bộ phận và Bộ phận Thống kê;
- Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Dự án đầu tư mở rộng sản xuất dây chuyền bao bì Jumbo đã được thông qua chủ trương đầu tư, đồng thời nguồn vốn huy động theo phương thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để huy động vốn. Tuy nhiên, Công ty do gặp vướng mắc về các thủ tục xin phê duyệt Dự án nên Dự án chậm tiến độ.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	219.920	242,77	10,39%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	356.259	404,17	13,45%
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	Tỷ đồng	6.869	7,64	11,22%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(1.382)	(0,212)	-84,66%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.487	7,423	35,28%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.933	6,172	56,93%

Tổng tài sản: Chỉ tiêu tổng tài sản của Công ty năm 2020 tăng 10,39% so với năm 2019. Trong đó phần tăng chủ yếu nằm ở tài sản ngắn hạn và chủ yếu do khoản hàng tồn kho tăng lên do cuối năm Công ty chuẩn bị hàng cho kỳ sản xuất năm 2020 và tồn kho thành phẩm do không xuất được hàng do vận chuyển khó khăn vào cuối năm.

Doanh thu thuần: năm 2020 đạt 404,17 tỷ đồng, tăng 13,45% so với năm 2019. Doanh thu tăng là do năm 2020 Công ty mở rộng được thị trường, tăng doanh thu đặt biệt với khách hàng lớn nhất của Công ty có sự tăng trưởng khá tốt, do vậy doanh thu tăng cao so với năm 2019.

Lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện trước thuế và sau thuế năm 2020 tăng cao so với lợi nhuận thực hiện năm 2019. Chủ yếu do sản lượng, doanh thu của khách hàng lớn tăng Trương khá tốt (đây là khách hàng có biên lợi nhuận tốt) kéo kết quả hoạt động năm 2020 tăng theo. Ngoài ra lợi nhuận sau thuế tăng cao 1 phần do sự điều chỉnh hồi tố chính sách của thông tư 20 của Chính phủ quy định mức trần lãi suất tiền vay với Công ty liên kết, trong năm 2020 Công ty được hồi tố giảm thuế TNDN của năm 2019 là 250 triệu đồng.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,04	1,01
Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,62	0,51
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	71,7%	73,41%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	253,2%	276,01%

Về khả năng thanh toán: Năm 2020 chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm hơn so với năm 2019 là 0,03 điểm, chỉ số khả năng thanh toán nhanh giảm 0,11 điểm.

Về cơ cấu vốn: Tổng nợ trong năm 2020 của Công ty tăng nhẹ nên làm cho hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đều tăng nhẹ so với năm 2019. Số nợ ngắn hạn năm 2020 tăng khá mạnh so với năm 2019 chủ yếu ở khoản mục Người mua trả tiền trước ứng trước đơn hàng cuối năm. Công ty đã thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB). Mặc dù các chỉ tiêu ổn định ở mức cao, nhưng cùng với kế hoạch chi trả khoản nợ gốc và lãi vay được tính toán cẩn thận, nên các rủi ro về thanh toán của Công ty là trong vòng kiểm soát.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		Năm 2019	Năm 2020	ngày/vòng (2020)
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/tồn kho bình quân)	Vòng	4,7	5,5	65
Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân)	Vòng	6	6,7	54

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Do là đơn vị sản xuất, quá trình sản xuất thường kéo dài nhiều ngày để hoàn thiện đơn hàng hoặc cho 1 lần giao hàng nên số hàng hóa lưu kho thành phẩm thường rất lớn. Do vậy chỉ số vòng quay hàng tồn kho thường thấp hay nói cách khác số ngày lưu kho dài hơn so với những đơn vị thương mại. Năm 2020, bình quân hàng hóa lưu kho khoảng 65 ngày. So với năm trước, hàng tồn kho giảm 12 ngày, tốc độ quay vòng hàng hóa nhanh, chỉ số này tăng từ 4,7 lên 5,5 vòng/năm. Đồng

thời, trong năm 2020, vòng quay khoản phải thu là 6,70 vòng/năm tương ứng với việc số ngày bán hàng trả chậm là 54 ngày.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		Năm 2019	Năm 2020
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,1%	1,5%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,4%	9,6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,8%	2,5%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,5%	1,9%

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Chỉ số lợi nhuận đạt được trong năm 2020 cao hơn so với năm 2019 là do việc mở rộng kinh doanh, Doanh thu tăng, ngoài ra trong năm cty cũng tiết giảm được chi phí quản lý. Do đó các chỉ số chỉ tiêu khả năng sinh lời của năm 2020 đạt cao hơn so với năm 2019.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 4.200.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 4.200.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.200.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

2. Cơ cấu cổ đông:

(Chốt ngày 25/03/2020)

ST T	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	130	4.175.100	41.751.000.000	99,41%
1	Cổ đông nhà nước	0	-	-	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	2	3.500.400	35.004.000.000	83,34%
3	Cổ đông cá nhân	128	674.800	6.748.000.000	16,07%
II	Cổ đông nước ngoài	5	24.900	249.000.000	0,59%
1	Cá nhân	3	19.400	185.000.000	0,44%
2	Tổ chức	2	5.500	61.000.000	0,15%
III	Cổ phiếu quỹ	0	-	-	0,00%
	Tổng cộng	135	4.200.000	42.000.000.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.820.300	43,34%
2	Công ty TNHH Hương Phong	1.680.000	40,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: **Không có.**

Giao dịch cổ phiếu quỹ: **Không có.**

Các chứng khoán khác: **Không có.**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: **Không**

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: **Không**

e) Các chứng khoán khác: **Không**

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1. Chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường

Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động tích cực và tiêu cực tới vấn đề môi trường và ngược lại môi trường cũng góp phần tạo nên những thuận lợi hay khó khăn trong việc sản xuất. Mọi hoạt động của Doanh nghiệp đều ảnh hưởng đến môi trường, nhất là đối với những Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nói chung và Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng. Hiểu được điều đó, Công ty áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, khí thải, quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời vừa tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu, vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo vệ môi trường. Các biện pháp áp dụng tại Công ty như sau:

a. Biện pháp chung

- + Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và tuân thủ các chỉ tiêu đã đăng ký.
- + Các quy trình sản xuất luôn được kiểm tra và tuân thủ theo quy định, hạn chế tối đa việc phát thải ra môi trường. Tuy việc tác động đến môi trường là không thể tránh khỏi nhưng bằng việc tuân thủ theo quy trình, kịp thời sửa chữa những lỗi kỹ thuật sẽ góp phần hạn chế sự tương tác gây ô nhiễm cho môi trường.
- + Sử dụng các thiết bị, dây chuyền một cách hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và các nguyên liệu thô; hướng đến việc sử dụng những nguồn năng lượng sạch, năng lượng thiên nhiên nhằm không tạo ra những chất độc hại, thải khói bụi ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh Công ty.
- + Tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động, công nhân viên về tác động tiềm tàng của hoạt động nhà máy đối với môi trường, và các biện pháp thích hợp để giảm thiểu các tác động đó.

- + Liên tục theo dõi các tác động của nhà máy đối với môi trường, phân công cán bộ chuyên trách phụ trách về công tác an toàn, vệ sinh, môi trường.

b. Các biện pháp khống chế chất thải

- Khống chế ô nhiễm không khí

- + Bố trí thông thoáng nhà xưởng, đặc biệt là tại các vị trí làm việc có dung môi và hóa chất.
- + Khống chế bụi và khí thải: Phun nước, che phủ, lắp đặt hệ thống thông gió, thu bụi, trang bị bảo hộ cho người lao động, vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.
- + Khống chế ô nhiễm hơi hydrocarbon phát sinh trong quá trình gia nhiệt: hệ thống thông gió và mang khẩu trang bảo hộ.
- + Khống chế ô nhiễm khí thải các phương tiện vận chuyển: Sử dụng nhiên liệu ít gây ô nhiễm, đúng với thiết kế động cơ, chuyên chở đúng tải, bảo dưỡng xe định kỳ, chạy tốc độ chậm. Chống nóng: xây nhà xưởng cao, trang bị hệ thống hút gió trên mái, lắp quạt gió cục bộ tại nơi công nhân sản xuất, cung cấp nước mát cho công nhân, trồng cây quanh nhà xưởng,...

- Khống chế ô nhiễm nước thải: Phương thức chủ yếu là hạn chế nước thải phát sinh, xử lý triệt để nguồn nước thải trước khi đổ ra hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp. Nước thải được chia thành 3 nhóm để xử lý. Nước thải sản xuất và nước thải từ bể phốt được tách riêng xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung.

- + Xử lý nước thải sản xuất: Sử dụng tuần hoàn. Định kỳ thay thế nước. Nước thải chứa cặn được thu gom đưa vào hệ thống xử lý ngăn lắng và vi sinh sau đó thải ra ngoài. Nước thải rửa các khuôn in, thiết bị pha chế bột máy, dầu nhớt máy,... được thu gom bảo quản riêng và thuê đơn vị có chức năng thu gom rác thải nguy hại xử lý. Do đặc điểm là lượng thải ít, nên thời gian thu gom sẽ tiến hành định kỳ từ 3 đến 6 tháng một lần, hoặc có thể tiến hành xử lý đột xuất nếu cần thiết.
- + Xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thiết kế thu gom riêng, qua bể tự hoại 3 ngăn, sử dụng Clorin để xử lý.
- + Xử lý nước mưa: Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước thông qua song chắn rác, qua bể lắng cát và đưa vào cống thoát nước Khu công nghiệp.

- Khống chế ô nhiễm chất thải lỏng: Chất thải lỏng có ảnh hưởng tới môi trường chủ yếu là màu in, nhưng số lượng không nhiều; mặc dù vậy, màu in dư thừa sẽ được thu gom và bảo quản để sử dụng cho các lô hàng tiếp theo; màu in không còn sử dụng nữa sẽ được thu gom trong các phuy hoặc thùng kín và sẽ tiến hành xử lý như đối với chất thải rắn, do đơn vị có chức năng xử lý môi trường tiến hành.

- Khống chế ô nhiễm chất thải rắn: Việc thu gom các chất phế thải rắn có tính chất nguy hại sẽ được thực hiện liên tục và tập trung tại vị trí nhất định (được quy hoạch thành khu vực riêng biệt), được phê duyệt của cơ quan quản lý môi trường, các chất thải này sẽ được đơn vị có chức năng và được phép mang đi xử lý. Công ty sẽ ưu tiên việc hoán trả bao bì cho nhà cung cấp để giảm chi phí bao bì cũng như giảm chi phí xử lý.

- + Chất thải rắn công nghiệp có nguồn gốc từ nguyên liệu nhựa PP, PE: Toàn bộ chất thải này được sử dụng thông qua máy tái chế làm nguyên liệu cho sản xuất chính.
 - + Chất thải sản xuất rắn không nguy hại khác: Đối với nhựa thì đưa vào tái chế, đối với giấy thì thu gom bán phế phẩm cho các nhà máy giấy.
 - + Chất thải rắn nguy hại: Chất thải rắn nguy hại chủ yếu gồm: bao bì, thùng chứa các loại mực in, dung môi, cặn dầu, giẻ lau, bóng đèn neon, với khối lượng khoảng 200kg/tháng. Rác thải này được thu gom, xử lý theo 2 hướng: (i) đối với thùng chứa mực in, dung môi thì bán hoặc trao đổi lại cho nhà sản xuất; (ii) đối với cặn dầu, giẻ lau, bóng đèn thì thu gom vào xô rác có nắp đậy (số lượng khoảng 70 kg/tháng) và thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý rác thải nguy hại thu gom 3 đến 6 tháng 1 lần.
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày vào khu vực chứa rác thải sinh hoạt, sau đó được công ty môi trường đô thị thu gom 2 lần/ tuần.
- **Tỷ lệ trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy:** Cây xanh sẽ được duy trì trồng xung quanh nhà xưởng nhằm tạo cảnh quan thiên nhiên, cải thiện trao đổi không khí và hạn chế sự phát tán ô nhiễm bụi, ồn, khí thải ra xung quanh. Cùng với đường xá, sân bãi, tổng diện tích cây xanh và đường xá sân bãi được đảm bảo trên 20% diện tích đất sử dụng.
- c. Quản lý và sử dụng năng lượng, nguyên liệu**
- **Sử dụng nguồn nguyên vật liệu:** Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Trong năm sử dụng 4.000 tấn hạt nhựa để sản xuất sản phẩm. Tỷ lệ phế phẩm trong năm 2019 là 5%, trong đó phế phẩm được tái sinh là 90% và 100% nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm của Công ty. Với ngành nghề sản xuất bao bì như Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ, việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế có một ý nghĩa nhất định nếu thực sự khai thác tốt nguồn tái chế này. Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn khuyến khích công nhân nhà máy sử dụng nguyên vật liệu đúng và đủ nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.
 - **Tiêu thụ năng lượng điện:** Tổng điện năng tiêu: 5.820.000 kWh/năm. Đối với doanh nghiệp sản xuất như Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất nhiều. Công ty đánh giá với mức sử dụng như trên là hợp lý. Ngoài ra, ý thức được việc sử dụng điện ở mức hợp lý là điều cả xã hội hiện đang quan tâm, Công ty chú ý đề ra các biện pháp như: giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm... tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy và phòng làm việc, tắt các thiết bị điện khi không sử dụng. Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý năng lượng, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

- **Tiết kiệm nước:** Nước là nguồn tài nguyên vô giá nhưng lại không vô tận, chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết nhất là việc sử dụng nước vào trong sản xuất với một lượng lớn như hiện nay. Do hệ thống sản xuất sử dụng nước tuần hoàn nên lượng nước sử dụng tại Nhà máy chủ yếu cho mục đích sinh hoạt. Công ty sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước sạch cung cấp với tổng lượng nước sử dụng 56.000 m³ trong năm vừa qua. Ban lãnh đạo Công ty lưu ý về các phòng ban những quy định về ý thức tiết kiệm nước bằng các biện pháp:
 - + Khóa kỹ các vòi nước khi không dùng, sửa chữa ngay khi có dấu hiệu nhỏ giọt.
 - + Kiểm tra và khắc phục rò rỉ ống nước định kỳ để có biện pháp khắc phục nhanh nhất.
 - + Tận dụng nước sử dụng nhiều lần.
 - + Các biện pháp khác

2. Chính sách liên quan đến người lao động

- Công ty có 1 cán bộ y tế chăm sóc, tư vấn sức khỏe cho CBCNV hàng ngày. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám phụ khoa cho CBCNV nữ 2 lần/năm; khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV 2 lần/năm. Tính đến thời điểm hiện nay tại Công ty không có CBCNV nào bị mắc bệnh nghề nghiệp. Công ty duy trì chế độ ăn ca 25.000đ/suất ăn, bồi dưỡng hiện vật hàng ngày cho CBCNV làm tại vị trí được xác định là tiếp xúc với độc hại; hỗ trợ tiền thuê nhà trọ cho CBCNV ở xa với mức 200.000đ/người/tháng, tổ chức tặng quà bằng hiện vật hoặc bằng tiền vào các ngày lễ, sự kiện quan trọng của Công ty.
- Hoạt động đào tạo nghề chủ yếu được thực hiện đối với những lao động trực tiếp sản xuất. Người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty sẽ được đào tạo nghề từ 1-3 tháng tùy bộ phận sản xuất. Hàng năm người lao động được tái đào tạo an toàn cũng như quy trình công nghệ, vận hành đối với mỗi loại máy móc thiết bị. Đối với CBCNV khối gián tiếp và quản lý Công ty chú trọng đào tạo những kỹ năng mềm như: kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng, các kỹ năng về quản lý sản xuất.

3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Ưu tiên tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương,
- Tích cực hưởng ứng và đóng góp cho các cuộc phát động gây quỹ như quỹ phòng chống bão lụt, thiên tai, ...

PHẦN III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Thuận lợi

- Duy trì được lượng khách hàng ổn định;
- Năm 2020 đã đầu tư thêm 1 số máy móc thiết bị mới như máy in cuộn, máy cắt – may –lồng bao, máy xếp hông nhằm đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất đồng thời đáp ứng yêu cầu cải tiến, đảm bảo chất lượng trong công nghệ sản xuất và tăng tính tự động hóa;
- Duy trì tốt công tác tổ chức sản xuất nhằm kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, giảm lượng phế, tăng năng suất;
- Cải tổ công tác điều độ sản xuất: thực hiện việc xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết từng ngày, từng tuần trên cơ sở kế hoạch tháng đến từng công đoạn và giám sát kết quả thực hiện để kịp thời điều tiết sản xuất, đáp ứng tiến độ giao hàng.
- Điều chỉnh hoạt động thống kê trong việc kiểm soát chặt chẽ về việc ghi nhận sản lượng, bàn giao giữa các công đoạn; ghi nhận đầy đủ thời gian gián đoạn sản xuất do các nguyên nhân, trên cơ sở đó phản ánh nhanh các thiếu hụt phát sinh trong quá trình sản xuất, kịp thời ra quyết định điều chỉnh trong sản xuất, đồng thời công tác quyết toán đơn hàng được chính xác, kịp thời.
- Cải tiến công tác tuyển dụng, đào tạo để thu hút lao động và rút ngắn thời gian tiếp cận công việc.
- Duy trì thực hiện tốt yêu cầu chuẩn bị điều kiện sản xuất: công cụ sản xuất, hướng dẫn phối trộn nguyên liệu, thông số sản xuất, yêu cầu sản phẩm, nhận diện lỗi sản phẩm, hướng dẫn thao tác, định mức năng suất....luôn sẵn có tại vị trí làm việc để tăng tối đa thời gian vận hành máy, giảm thời gian tìm kiếm thông tin phục vụ sản xuất.
- Duy trì được sản xuất và thu nhập của người lao động ổn định trong khi có rất nhiều ngành, lĩnh vực bị thu hẹp, thu nhập của người lao động bị cắt giảm.

2. Khó khăn

- Đầu vào khan hiếm: Do ảnh hưởng của dịch Covid -19, hàng loạt nhà máy bị đình trệ sản xuất và gặp khó khăn trong công tác vận chuyển đã khiến nguồn cung nguyên vật liệu trở nên khan hiếm, giá cả tăng cao. Ngoài ra, để an toàn trong sản xuất, đảm bảo nguồn cung sản phẩm kịp thời, Công ty Bao bì cần phải tăng lượng dự trữ nguyên vật liệu tồn kho từ 3 tháng lên 5-6 tháng, gây khó khăn cho hoạt động quay vòng vốn.
- Cạnh tranh gia tăng: Do khách hàng gặp khó khăn trong sản xuất, nhu cầu sụt giảm, để có thể cạnh tranh, ngoài việc đáp ứng các tiêu chí sản phẩm khắt khe hơn của khách hàng, Công ty phải đưa ra chính sách giá cạnh tranh, dẫn đến biên lợi nhuận mỏng, hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao.

- Vận chuyển, vận tải gặp khó khăn: Do tình trạng thiếu cont đã khiến một lượng hàng lớn đã sản xuất tại Công ty nhưng không thể xuất đi, dẫn tới tồn hàng, đọng vốn.
- Mặc dù có lượng khách hàng ổn định nhưng chủng loại sản phẩm của từng khách hàng đa dạng. Các sản phẩm nhiều quy cách trong một đơn hàng dẫn đến việc phải chuyển đổi nhiều lần, làm cho thời gian dừng máy nhiều, lượng phế tăng lên, năng suất không cao.
- Lao động trực tiếp khan hiếm tại địa bàn tập trung nhiều khu công nghiệp, nhà máy sản xuất có nhu cầu lớn về lao động. Do đó tình trạng biến động lao động rất lớn làm tăng chi phí đào tạo, đồng thời khó chủ động tiến độ sản xuất bởi ngay cả lực lượng lao động phổ thông vẫn phải cần thời gian đào tạo nghề.
- Khó tuyển dụng được đội ngũ cán bộ quản lý am hiểu về thiết bị, kỹ thuật sản xuất bao bì do điều kiện chung về khả năng chi trả thu nhập của Công ty và đặc thù chuyên ngành bao bì không có trường lớp đào tạo, mà chỉ được đúc rút kinh nghiệm từ quá trình làm việc thực tế tại các đơn vị sản xuất bao bì.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	Mức tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	149.214	168.904	13,0%	19.689
Tài sản dài hạn	70.705	73.865	4,0%	3.160
Tổng tài sản	219.920	242.769	10,0%	22.849

- Trong năm 2020, tổng tài sản của Công ty tăng 10% so với năm 2019, với tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng 4,0%, và tỷ trọng tài sản dài hạn trong tổng tài sản tăng 13%.
- Cơ cấu tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn trong năm vừa qua tăng 13%, tương đương 19,689 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó, việc tăng chính đến từ 2 khoản mục khoản tiền và tương đương tiền cùng với hàng tồn kho.
- Cơ cấu tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn năm 2020 tăng nhẹ so với năm 2019, tương ứng tăng 3,160 triệu đồng.

2. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	143.098	166.429	16,30%	90,79%	93,39%

Nợ dài hạn	14.546	11.775	-19,05%	9,23%	6,61%
Tổng nợ phải trả	157.622	178.204	13,06%	100%	100%

- Tổng nợ hàng năm của Công ty thường ở mức cao là do Công ty chủ yếu sử dụng vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn tự có của Công ty rất ít so với nhu cầu vốn để đáp ứng hoạt động hàng ngày. Đồng thời khoản đầu tư mở rộng sản xuất, làm tăng tài sản của Công ty không phải do nguồn vốn góp bổ sung của chủ sở hữu mà đều từ nguồn vốn vay. Do đó, tổng nợ của Công ty thường ở mức cao. Năm 2020, tổng nợ của Công ty tăng 13,06% so với năm 2019, chủ yếu là do nợ ngắn hạn tăng.
- Nợ ngắn hạn năm 2020 tăng 16,3% so với năm 2019 là do việc vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để tài trợ hàng tồn kho tăng.
- Nợ dài hạn trong năm 2020 giảm hơn 2 tỷ, tương ứng giảm 19,05% so với năm 2019, là do Công ty đã trả các khoản vay đầu tư của Dự án Jumbo giai đoạn 3 cho mục đầu tư dây chuyền, máy móc thiết bị theo kế hoạch thanh toán nợ gốc hàng năm.

III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- Công ty đã tạo dựng được niềm tin với khách hàng, ổn định thị trường đạt được mức sản phẩm khai thác tối ưu công suất thiết bị tại nhà máy.
- Công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu. Công ty đã tiến hành tăng cường KCS tại các vị trí sản xuất nhằm tăng tần suất kiểm tra sản phẩm để phát hiện nhanh nhất các thông số ngoại chuẩn và kịp thời vi chỉnh để giảm thiểu sự sai hỏng hàng loạt cũng như đảm bảo chất lượng hàng hóa ổn định; ban hành cụ thể các hướng dẫn thao tác sản xuất, các yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm, các phản hồi của khách hàng về các sản phẩm bị sai lỗi so với yêu cầu... dán tại vị trí làm việc của công nhân để công nhân luôn nắm rõ yêu cầu sản xuất cũng như tự kiểm soát được tiêu chuẩn sản phẩm.
- Nâng cao công tác giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ nội quy lao động, nội quy sản xuất, phạt vi phạm với các lỗi do chủ quan, ý thức cá nhân gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty.
- Cơ cấu tổ chức được sàng lọc theo hướng tinh gọn, chất lượng. Mặc dù mở rộng sản xuất nhưng số lượng cán bộ khối gián tiếp không giảm. Đồng thời công tác nhân sự luôn chú trọng việc sàng lọc lao động đáp ứng yêu cầu của công việc.
- Tổ chức công tác thống kê, giám sát số liệu sản xuất một cách chặt chẽ để kiểm soát được việc hao hụt, thất thoát thành phẩm tại từng công đoạn.
- Tổ chức lại công tác điều độ sản xuất: Điều độ tính toán và áp kế hoạch sản xuất trên cơ sở năng suất máy; thực hiện việc xây dựng chi tiết kế hoạch sản tại từng công đoạn theo ngày, tuần, tháng, niêm yết tại vị trí sản xuất để các tổ, nhóm nắm rõ sản phẩm cần thực hiện trong tuần, đồng thời điều độ có cơ sở kiểm soát việc đáp

ứng tiền độ đơn hàng cũng như giúp cho phòng Kế hoạch Vật tư xác định căn cứ chuẩn bị NVL theo kế hoạch sản xuất, hạn chế việc chuẩn bị NVL không theo kế hoạch (chỗ thừa, chỗ thiếu), khiến việc sử dụng vốn kém hiệu quả. Kết quả sản xuất được báo cáo hàng ngày lên kênh thông tin chung để Ban lãnh đạo và phân xưởng sản xuất cùng thấy rõ mục tiêu cần phải đạt được/duy trì đạt được và chỉ đạo triển khai các giải pháp sát với thực tế hoạt động nhằm hoàn thành kế hoạch chung của Công ty đã đề ra.

- Hệ thống máy móc thiết bị được bổ sung đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất. Công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị được chú trọng nhằm duy trì hoạt động ổn định của hệ thống thiết bị và giảm thiểu thời gian dừng máy do gặp sự cố.
- Duy trì niềm yết công khai định mức lao động áp dụng cho từng sản phẩm, từng công đoạn để người lao động hiểu rõ và chủ động tính toán được thu nhập, cố gắng tăng năng suất để tăng thu nhập.
- Duy trì việc thực hiện quyết toán theo từng đơn hàng để từ đó kịp thời đưa ra các giải pháp quản lý sản xuất hiệu quả cho từng đơn hàng, từng chủng loại sản phẩm.
- Đã thực hiện kiểm soát phế theo ngày, đánh giá và phân tích nguyên nhân gây phế, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp tiết giảm phế tại từng khâu, từng công đoạn nhằm đạt được mục tiêu hạ thấp tỷ lệ phế xuống dưới 5%.
- Chú trọng việc giám sát sắp xếp mặt bằng sản xuất, lắp đặt bổ sung hệ thống giá kệ chất hàng, phân chia khu vực rõ ràng cho từng bộ phận quản lý và chịu trách nhiệm trên mặt bằng phạm vi được giao. Nhờ vậy hàng hóa được kiểm soát chặt chẽ kể cả trong quá trình sản xuất lẫn lưu kho.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Công ty xác định các mục tiêu kế hoạch để phát triển như sau:
 - + Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.
 - + Duy trì khai thác năng suất máy > 90% công suất thiết bị.
 - + Thời gian dừng máy do sự cố thiết bị <1% so với tổng thời gian vận hành.
 - + Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
 - + Đáp ứng 100% nhu cầu bao bì chứa phân bón cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) và các đơn vị thành viên PVFCCo. Đáp ứng tối đa nhu cầu cho các khách hàng trong và ngoài nước trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả.
 - + Hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
 - + Hoàn thành đầu tư đồng bộ dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo.
 - + Bảo đảm quyền lợi của người lao động và lợi ích của cổ đông.

- + Bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả, chế độ đãi ngộ xứng đáng cho người lao động.
- + Tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, củng cố liên kết ngành hiệu quả, nâng cao kỹ năng và tay nghề làm việc tổng thể.
- + Không vi phạm các quy định về việc minh bạch thông tin áp dụng đối với các công ty đã niêm yết.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
 - + Luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu cho công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc gây ảnh hưởng/ tác động xấu đến môi trường.
 - + Luôn coi trọng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm theo thỏa thuận với khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
 - + Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
 - + Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng

V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

3. Chính sách môi trường

Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác an toàn – sức khỏe – môi trường đến các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Trong năm 2019, Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời cũng tiết kiệm vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo vệ môi trường. Năm 2018, tại Công ty không xảy ra tình huống vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường và không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

4. Chính sách nhân sự

Người lao động được chăm lo đầy đủ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cuộc sống. Trong năm 2019, Công ty đã ban hành các quy định liên quan trực tiếp đến người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, đảm bảo tính dân chủ và phù hợp với tình hình kinh doanh, mô hình quản lý của Công ty cổ phần niêm yết. Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của

Công ty đến lợi ích chính đáng của người lao động nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

5. Công tác an sinh xã hội

Công tác xã được Công ty quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương.

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm 2020, bối cảnh kinh doanh của Công ty mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19 nên hoạt động xuất khẩu của Công ty gặp nhiều khó khăn; khan hiếm nguyên liệu sản xuất, thiếu cont vận chuyển khiến chi phí phí lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tăng cao, mức độ cạnh tranh gay gắt hơn do khách hàng cũng gặp khó khăn về đầu ra... Tuy nhiên, Công ty đã duy trì lượng khách hàng ổn định, tiết giảm chi phí quản lý nên đã hoàn thành các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2020 đảm bảo chỉ tiêu chia cổ tức theo kế hoạch được ĐHCĐ giao.

Hoạt động đầu tư mới: Trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư bổ sung hệ thống máy móc thiết bị nhằm đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất tương ứng với công suất thiết bị toàn dây chuyền đáp ứng sản lượng kinh doanh là 60-65tr bao bì truyền thống và 600-800 nghìn bao Jumbo.

Hoạt động Dự án đầu tư mới: Đối với Dự án Jumbo chậm tiến độ, Công ty sẽ tiến hành đánh giá lại Dự án mở rộng dây chuyền sản xuất bao Jumbo để xác định lại mục tiêu đầu tư phù hợp với .

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong điều kiện đối mặt với đại dịch toàn cầu, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực hết sức để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Kết thúc năm 2020, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Ban điều hành đã tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT một cách đầy đủ, kịp thời giúp hoạt động sản xuất – kinh doanh tại công ty ổn định và có hiệu quả.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục tổ chức công việc của HĐQT theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban điều hành.
- Cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền phê duyệt/cho ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định, phù hợp với tình hình mới.

- Chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021 theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty.
- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, mô hình công ty niêm yết và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, nâng cao chất lượng hàng hóa.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, ngăn ngừa rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Xây dựng các mục tiêu sản xuất kinh doanh nhằm tạo dựng được vị thế vững chắc trong ngành bao bì.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHĐCĐ giao.
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên (nhiệm kỳ 2019-2024), trong đó có 1 Chủ tịch là thành viên kiêm nhiệm, 1 thành viên điều hành, giữ chức vụ Giám đốc Công ty, 1 thành viên giữ chức vụ Kế toán trưởng và 2 thành viên kiêm nhiệm khác, không điều hành.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết (CP)		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Trần Thượng Tín	CT HĐQT Kiêm nhiệm	1.428.000	208.280	1.636.280
2	Trần Anh Tú	TV.HĐQT, Giám đốc	1.064.300	20.000	1.084.300
3	Nguyễn Hồng Nguyên	TV.HĐQT Kiêm nhiệm	252.000	0	252.000
4	Lê Hồng Quân	TV.HĐQT Kiêm nhiệm	756.000	0	756.000
5	Ông Cao Vĩnh Hậu	TV.HĐQT Kiêm nhiệm	0	4.600	4.600

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung theo thẩm quyền của HĐQT. Đồng thời, từng thành viên có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, giám sát, HĐQT họp thống nhất và ra quyết định.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2020, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

- Các thành viên HĐQT thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ cập nhật thông tin, báo cáo do Ban điều hành cung cấp, thảo luận trực tiếp tại các phiên họp hoặc thông qua phương tiện thông tin để cho ý về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
- Hội đồng quản trị làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến các thành viên thông qua hình thức phiếu xin ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty. Trong năm qua, các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được HĐQT triển khai đầy đủ. Các ý kiến đề xuất của các cổ đông được các thành viên HĐQT chỉ đạo thực hiện.
- Trong năm 2020, trong từng quý, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp chính thức và cho ý kiến bằng văn bản. Các nội dung đã được thông qua như sau:
 - + Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty.
 - + Phê duyệt và giao triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
 - + Thông qua kế hoạch tổ chức và tài liệu ĐHCĐ thường niên 2020;
 - + Bầu thành viên Hội đồng quản trị thay thế;
 - + Thông qua việc ký kết các Hợp đồng kinh tế với Người có liên quan
 - + Phê duyệt hạn mức công nợ phải thu từng quý;
 - + Phê duyệt bản quy hoạch cán bộ của Công ty
 - + Thông quan việc thuê tài chính để đầu tư máy in, máy cắt – may – lồng bao;
 - + Thông qua việc đầu tư máy xếp hông;
 - + Thông qua việc cho thuê mái nhà xưởng;
 - + Phê duyệt hạn mức tín dụng tại các ngân hàng;
 - + Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020;
 - + Thực hiện chia cổ tức năm 2019 vào quý 3/2020;
 - + Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020;
 - + Lưu ý Ban điều hành về việc tiếp thu ý kiến của Ban kiểm soát về việc kiểm soát công nợ quá hạn, kiểm soát dòng tiền và thực hiện trong phạm vi hạn mức tín dụng mà Hội đồng quản trị đã thông qua;
 - + Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2021;
 - + Thống nhất kế hoạch tổ chức Tổng kết, Tất niên Công ty theo báo cáo của Giám đốc Công ty.

Các phiên họp HĐQT chính thức và xin ý kiến bằng văn bản được ban hành thông qua Nghị quyết cuộc họp trong năm 2020 như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/NQ - HĐQT	11/03/2020	Nghị quyết phê duyệt KH SXKD năm 2020	100%
2	04/NQ - HĐQT	31/03/2020	NQ Hợp HĐQT quý 1 năm 2020	100%
3	06/NQ - HĐQT	06/4/2020	NQ Hợp HĐQT thông qua việc ký kết hợp đồng với người có liên quan.	100%
4	08/NQ-HĐQT	28/04/2020	NQ hợp HĐQT quý 2 năm 2020	100%
5	12/NQ-HĐQT	28/04/2020	Thông qua việc ký hợp đồng nguyên tắc về hạn mức tín dụng với VCB.	100%
6		11/05/2020	NQ HĐQT thông qua việc thuê tài chính mua máy cắt- may- lồng bao.	100%
7	13/BB - HĐQT	20/05/2020	Thông qua việc ký hợp đồng nguyên tắc về hạn mức tín dụng với MB.	100%
8		08/06/2020	NQ thuê tài chính đầu tư máy in	100%
9	15/NQ-HĐQT	04/08/2020	NQ Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC	100%
10	15B/NQ-HĐQT	12/08/2020	NQ thông qua việc cho thuê mái nhà xưởng	100%
11	17/NQ-HĐQT	07/09/2020	NQ thông qua bản quy hoạch cán bộ	100%
12	19/NQ-HĐQT	30/09/2020	NQ hợp HĐQT Quý 3	100%
13	21/NQ-HĐQT	23/12/2020	NQ hợp HĐQT Quý 4	100%
14	21A/NQ-HĐQT	23/12/2020	NQ hợp Phê duyệt KH SXKD	100%
15	166/QĐ-HĐQT	23/12/2020	Bổ nhiệm PGĐ Kinh doanh	100%

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập

5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông Trần Anh Tú, Thành viên HĐQT, Giám đốc
- Ông Lê Hồng Quân, Thành viên HĐQT
- Ông Trần Thượng Tín, Chủ tịch HĐQT
- Ông Cao Vĩnh Hậu, Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Hồng Nguyên, Thành viên Hội đồng quản trị

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ gồm 3 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cp có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Chu Xuân Hải	Trưởng ban	0	0	0
2	Phạm Văn Khánh	Thành viên	0	270	270
3	Nguyễn Thị Thu Oanh	Thành viên	0	0	0

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp để đánh giá kết quả kiểm tra giám sát và thảo luận về kế hoạch kiểm tra giám sát quý tiếp theo và thực hiện lấy ý kiến bằng email các vấn đề: Báo về hoạt động của Ban kiểm soát; Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; Tờ trình và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020; Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm;
- Ban kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát hàng quý đến HĐQT, Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty đồng thời đã có những kiến nghị về việc: kiểm soát công nợ và thu hồi các khoản nợ quá hạn, kiểm soát hàng tồn kho; tăng cường công tác kinh doanh để khai thác hiệu quả máy móc thiết bị đã đầu tư
- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề trong phiên họp;
- Trong năm 2020 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.

3. Thù lao và thu nhập của Ban kiểm soát năm 2020

Stt	Họ tên và chức danh	Thù lao	Thu nhập khác	Cộng
1	Chu Xuân Hải- Trưởng BKS	36.000.000	0	36.000.000
2	Nguyễn Thị Thu Oanh – TV.BKS	24.000.000	0	24.000.000
3	Phạm Văn Khánh – TV.BKS	24.000.000	0	24.000.000
Tổng cộng		84.000.000	0	84.000.000

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2020 theo nghị quyết số 10/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 28/04/2020

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2020	TH 2020	TH 2019	% TH/KH	% TH/CK
1	Sản lượng sản xuất		1	2	3	4=2/1	5=2/3
-	Dòng bao truyền thống	Tr.bao	60,0	63,11	49,63	105%	127%
-	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	800,0	535,69	401,53	67%	133%
2	Sản lượng tiêu thụ						
-	Dòng bao truyền thống	Tr. bao	60,0	60,97	52,60	102%	116%
-	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	800,0	458,57	398,80	57%	115%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	420,609	404,172	357,033	96%	113%
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	412,890	396,749	351,545	96%	113%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,719	7,423	5,487	96%	135%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,175	6,172	3,933	100%	157%

Trong năm 2020, bối cảnh kinh doanh của Công ty mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19 nên việc xuất khẩu nói chung và bao bì jumbo nói riêng của gặp nhiều khó khăn; giá bán một số sản phẩm luôn bị cạnh tranh quyết liệt do khách hàng cũng gặp khó khăn về đầu ra, cộng thêm các chi phí logistic tăng do khan hiếm cont để xuất khẩu và một số thời điểm khan hiếm nguyên liệu sản xuất... Tuy nhiên, Công ty đã duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì lượng khách hàng ổn định, tiết giảm chi phí quản lý nên đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh dòng bao truyền thống do vậy giúp Công ty đã **hoàn thành về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch năm 2020 đảm bảo chỉ tiêu chia cổ tức theo kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.**

5. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

- Việc lập và trình bày BCTC phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Nhìn chung, BCTC của Công ty đã phản được trung thực trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020.

6. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị Công ty với 05 thành viên, các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
- Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Giám đốc đã triển khai công tác sản xuất kinh doanh trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban giám đốc đã tổ chức họp bàn bạc, thống nhất, phân công chỉ đạo các phòng ban triển khai và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội Đồng quản trị, Báo cáo của Giám Đốc Công ty đã phản ánh trung thực cơ bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty.
- Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2020 đối mặt với bối cảnh khó khăn thách thức từ sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid19. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đạt được chỉ tiêu chính về lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chia cổ tức

7. Đánh giá sự phối hợp của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành với Ban kiểm soát

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng/bộ phận của công ty, đã duy trì mối quan hệ làm việc và phối hợp trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật.

8. Kiến nghị

- Kiểm soát các khoản phải thu hàng tồn kho và thu hồi các khoản công nợ quá hạn;
- Tiếp tục tăng cường công tác kinh doanh bao jumbo để khai thác tối đa hiệu quả máy móc đã đầu tư.

9. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế/quy định nội bộ trong hoạt động quản lý điều, hành doanh nghiệp.
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH VÀ BKS

1. Chế độ thù lao của HĐQT, BKS, BĐH

Công ty áp dụng chế độ trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, trả thù lao và lương cho thành viên điều hành cho thành viên HĐQT điều hành tuân theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên của Công ty. Chi tiết các khoản tiền lương, thù lao, lợi ích như sau:

ĐVT: đồng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao thực nhận (đ)	Ghi chú
	Hội đồng quản trị		212.500.000	
1	Trần Thượng Tín	Chủ tịch	48.000.000	
2	Trần Anh Tú	Thành viên	42.000.000	
3	Lê Hồng Quân	Thành viên	42.000.000	
4	Nguyễn Hồng Nguyên	Thành viên	42.000.000	
5	Cao Vĩnh Hậu	Thành viên	28.000.000	Mới bầu từ tháng 4/2021
6	Trần Thị Hồng Quyên	Thành viên	10.500.000	Đã nghỉ từ tháng 4/2021
	Ban Kiểm soát		84.000.000	
1	Chu Xuân Hải	Trưởng Ban	36.000.000	
2	Phạm Văn Khánh	Thành viên	24.000.000	
3	Nguyễn Thị Thu Oanh	Thành viên	24.000.000	
	Ban điều hành		1.150.573.312	
1	Trần Anh Tú	Giám đốc	655.801.944	
2	Cao Vĩnh Hậu	Kế toán trưởng	494.771.368	
	Tổng Cộng		1.447.073.312	

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

Không có

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2020, Công ty có phát sinh giao dịch với Cổ đông như sau:

- Hợp đồng cung cấp vỏ bao chứa phân bón của Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí.

- Hợp đồng với Cổ đông Công ty TNHH Hương Phong về việc cho thuê khu đất trồng của Công ty.
- Hợp đồng với Công ty TNHH Logistic Hương Phong – Công ty con của Công ty TNHH Hương phong về các dịch vụ Logistic, vận chuyển hàng hóa.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của thông qua	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Cổ đông lớn	Các đơn hàng cung cấp bao bì năm 2020.	06/NQ - HĐQT 06/04/2020	1.820.300 43,34%
2	Công ty TNHH Loistic CEA Hương Phong	Công ty con của Cổ đông lớn Công ty TNHH Hương Phong	Hợp đồng thuê xe vận tải.	06/NQ - HĐQT 06/04/2020	1.680.000 40%
3	Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn	Hợp đồng với Cổ đông Công ty TNHH Hương Phong về việc cho thuê khu đất trồng của Công ty		

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HĐQT đã tuân thủ và thực hiện các chuẩn mực quản trị Công ty cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

PHẦN VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH SAU KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.903.661.754	149.214.562.674
I. Tiền	110	4	12.588.823.412	8.823.818.070
1. Tiền	111		12.588.823.412	8.823.818.070
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.014.854.097	77.663.035.424
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	58.757.474.214	62.481.986.332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.580.296.784	13.267.171.512
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.838.001.209	2.026.520.257
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(160.918.110)	(112.642.677)
III. Hàng tồn kho	140	8	84.782.306.867	61.095.864.474
1. Hàng tồn kho	141		84.782.306.867	61.095.864.474
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.517.677.378	1.631.844.706
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	868.685.978	1.631.844.706
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.648.991.400	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.865.411.574	70.705.748.015
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.128.360.400	488.963.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.128.360.400	488.963.000
II. Tài sản cố định	220		62.441.035.968	61.494.402.925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	55.841.488.532	61.494.402.925
- Nguyên giá	222		137.103.697.336	133.951.331.041
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.262.208.804)	72.456.928.116)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	6.599.547.436	-
- Nguyên giá	225		7.458.114.181	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(858.566.745)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		353.242.000	353.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(353.242.000)	(353.242.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	6.990.912.883	5.513.822.653
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.990.912.883	5.513.822.653
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.305.102.323	3.208.559.437
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.305.102.323	3.208.559.437
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		242.769.073.328	219.920.310.689

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		178.204.840.117	157.662.472.288
I. Nợ ngắn hạn	310		166.429.334.204	143.963.116.573
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	30.380.424.305	34.205.201.071
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	29.841.600.810	3.491.074.361
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.536.985.807	2.260.499.323
4. Phải trả người lao động	314		8.073.707.586	6.626.056.972
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.567.672.915	1.812.331.650
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.506.111.983	1.605.017.561
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	89.877.259.400	93.907.366.373
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		645.571.398	55.569.262
II. Nợ dài hạn	330		11.775.505.913	13.699.355.715
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	11.775.505.913	13.699.355.715
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.564.233.211	62.257.838.401
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	64.564.233.211	62.257.838.401
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.702.789.696	4.702.789.696
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.679.840.499	11.601.173.547
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.181.603.016	3.953.875.158
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.206.070	20.527.584
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6.172.396.946	3.933.347.574
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		242.769.073.328	219.920.310.689

Đã ký

Văn Thị Hoài Hương

Người lập biểu

Đã ký

Cao Vĩnh Hậu

Kế toán trưởng

Đã ký

Trần Anh Tú

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	403.047.433.532	356.259.482.424
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	4.087.449
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	403.047.433.532	356.255.394.975
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	360.072.308.206	312.037.306.423
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42.975.125.326	44.218.088.552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	775.389.571	725.286.349
7. Chi phí tài chính	22	27	7.578.794.258	8.036.895.974
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.763.997.305	7.274.153.116
8. Chi phí bán hàng	25	28	10.356.748.187	9.148.672.237
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	18.180.482.165	20.888.313.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) - (25+26))	30		7.634.490.287	6.869.493.358
11. Thu nhập khác	31		42.024.815	52.093.025
12. Chi phí khác	32		253.686.810	1.434.200.804
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(211.661.995)	(1.382.107.779)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.422.828.292	5.487.385.579
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	1.250.431.346	1.554.038.005
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.172.396.946	3.933.347.574
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.249	796

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Văn Thị Hoài Hương

Cao Vĩnh Hậu

Trần Anh Tú

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.422.828.292	5.487.385.579
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.663.847.433	9.561.919.377
Các khoản dự phòng	03	48.275.433	112.642.677
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.267.150	(243.064.657)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.602.953)	(7.839.880)
Chi phí lãi vay	06	6.763.997.305	7.274.153.116
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.903.612.660	22.185.196.212
Thay đổi các khoản phải thu	09	6.504.918.791	(2.864.379.638)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(24.770.574.952)	10.016.544.418
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25.814.063.901	(13.525.141.100)
Thay đổi chi phí trả trước	12	666.615.842	(1.560.613.413)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.844.281.582)	(7.240.733.833)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(994.807.192)	(2.555.843.491)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(283.154.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.279.547.468	4.171.874.961
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.853.385.595)	(1.516.523.558)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.602.953	7.839.880
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.849.782.642)	(1.508.683.678)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	324.618.990.093	282.454.988.716
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(336.025.937.961)	(285.998.861.785)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.281.506.010)	(7.112.932.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.688.453.878)	(10.656.805.669)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.741.310.948	(7.993.614.386)
Tiền đầu năm	60	8.823.818.070	16.800.402.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	23.694.394	17.029.914
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	12.588.823.412	8.823.818.070

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Văn Thị Hoài Hương

Cao Vĩnh Hậu

Trần Anh Tú

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Trần Anh Tú
Trần Anh Tú

